Phân loại chỉ định mổ lấy thai

Michael Robson

The National Maternity Hospital
Dublin, Ireland
Mrobson@nmh.ie

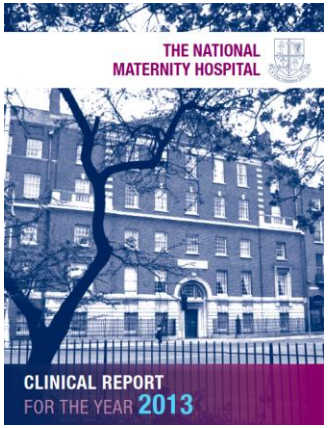

Nói chung tỉ lệ mổ lấy thai không thật sự có ích

Phân loại mổ lấy thai hiện nay

- Mổ lần đầu hay mổ cũ
- Phân nhóm nhỏ đối với sản phụ
- Chỉ định

CHỈ ĐỊNH

Định nghĩa
Ứng dụng
Đa thai
Phát triển
Không có chỉ định
Hồi cứu

Hệ thống phân loại mổ lấy thai hiện nay

Mổ cũ
Ngôi ngược
Đẻ khó
Thai suy
Nguyên nhân khác

Nguyên tắc của kiểm toán chu sinh

Không có sự kiện hay kết quả thời kì chu sinh nên được đánh giá độc lập với các sự kiện, các kết quả, vấn đề về tổ chức hoặc thay đổi về dịch tễ

Nguyên tắc của hệ thống phân loại lý tưởng

Đơn giản, dễ thực hiện, nhiều thông tin và hữu ích

Vững trãi có giá trị tại chỗ và toàn cầu

Giá trị được xác định bởi các nghiên cứu tiến cứu, những phát hiện về lâm sàng và có thể nhận định được, hoàn toàn tính toán được và áp dụng được

Các nhóm phải được chọn khách quan, độc lập, loại trừ sự tương đối và có tính tổng quát

Các nhóm phải có khả năng cho phép các phân tích về các thay đổi dịch tễ, kết quả, quá trình, chỉ định bên trong nhóm

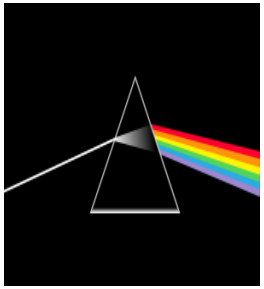

Hệ thống phân loại 10 nhóm- Mục đích

Điểm khởi đầu chung cho so sánh các dữ liệu

Robson MS. Classification of Caesarean Sections
Fetal and Maternal Review 2001; 12:23-39
Cambridge University Press

Triết lý của hệ thống phân loại 10 nhóm

Dựa trên tiền đề rằng tất cả các thông tin

(Dịch tễ, yếu tố mẹ và thai, kết quả, giá cả, tổ chức)

Sẽ thiết thực hơn về mặt lâm sàng bằng cách xếp chúng thành 10 nhóm

Hệ thống phân loại 10 nhóm – Lợi ích của việc chuẩn hóa

Bất cứ khác biệt nào trong kích cỡ các nhóm hoặc kết quả là do

- Dữ liệu kém chất lượng
- Khác biệt do các yếu tố dịch tễ điển hình
- Khác biệt trong thực hành

Classifying Perinatal Outcome

– the 10 Groups, Obstetrical Concepts and their Parameters

Tiền sử sản khoa	Con so Con dạ, không mổ cũ Con dạ, mổ cũ
Tính chất của thai	1 thai ngôi đầu 1 thai ngôi ngược Đa thai 1 thai ngôi ngang hoặc chếch
Diễn tiến chuyển dạ	Chuyển dạ tự nhiên Khởi phát chuyển dạ Mổ lấy thai trước khi có chuyển dạ
Tuổi thai	Tuổi thai tại thời điểm chuyển dạ

National Maternity Hospital, Dublin

Caesarean Sections - the 10 Groups 2013

Tổng số mổ lấy thai trên tổng số sản phụ

	2013 2024/8755 23.1%
1 Con so 1 thai ngôi đầu>= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	146/2040
2 Con so 1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát CD hoặc môt lấy thai khi chưa chuyển dạ	468/1305
3 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	31/2564
4 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát chuyển dạ haowcj môt lấy thai khi chưa có chuyển dạ	130/944
5 1 thai ngôi đầu >=37 tuần, mổ cũ	683/1003
6 Tất cả các trường hợp con so ngôi ngược	167/178
7 Tất cả các trường hợp con dạ ngôi ngược bao gồm cả có mổ cũ	124/138
8 Tất cả các trường hợp đa thai bao gồm cả có mổ cũ	130/198
9 Tất cả các trường hợp ngôi bât thường bao gồm cả có mổ cũ	40/40
10 Tất cả các trường hợp 1 thai ngôi đầu <=36 tuần, bao gồm cả có mổ cũ	105/345

Số lượng mổ lấy thai trên tổng sô sản phụ trong mỗi nhóm

Bệnh viện sản phụ khoa, Dublin

Mổ đẻ - Phân 10 nhóm 2013

1 Con so 1 thai ngôi đầu>= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên
2 Con so 1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát CD hoặc môt lấy thai khi chưa chuyển dạ
3 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên
4 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát chuyển dạ haowcj môt lấy thai khi chưa có chuyển dạ
5 1 thai ngôi đầu >=37 tuần, mổ cũ
6 Tất cả các trường hợp con so ngôi ngược
7 Tất cả các trường hợp con dạ ngôi ngược bao gồm cả có mổ cũ
8 Tất cả các trường hợp đa thai bao gồm cả có mổ cũ
9 Tất cả các trường hợp ngôi bât thường bao gồm cả có mổ cũ
10 Tất cả các trường hợp 1 thai ngôi đầu <=36 tuần, bao gồm cả có mổ cũ

a, Dublin

m 2013

Cỡ nhóm là số sản phụ trong mỗi nhóm trên tổng tố sản phụ

	2013 2024/8755 23.1%	Kích thước nhóm %
1 Con so 1 thai ngôi đầu>= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	146/2040	23.3
2 Con so 1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát CD hoặc môt lấy thai khi chưa chuyển dạ	468/1305	14.9
3 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	31/2564	29.3
4 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát chuyển dạ haowcj môt lấy thai khi chưa có chuyển dạ	130/944	10.8
5 1 thai ngôi đầu >=37 tuần, mổ cũ	683/1003	11.5
6 Tất cả các trường hợp con so ngôi ngược	167/178	2.0
7 Tất cả các trường hợp con dạ ngôi ngược bao gồm cả có mổ cũ	124/138	1.6
8 Tất cả các trường hợp đa thai bao gồm cả có mổ cũ	130/198	2.3
9 Tất cả các trường hợp ngôi bât thường bao gồm cả có mổ cũ	40/40	0.5
10 Tất cả các trường hợp 1 thai ngôi đầu <=36		

National Maternity Ho

Caesarean Sections - the

Tỉ lệ mổ láy thai trong mỗi nhóm được tính bằng số ca mổ lấy thai trên tổng số sản phụ trong mỗi nhóm

	2013 2024/8755 23.1%	Kích thước nhóm %	Tỷ lệ mổ đẻ trong nhóm %
1 Con so 1 thai ngôi đầu>= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	146/2040	23.3	7.2
2 Con so 1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát CD hoặc môt lấy thai khi chưa chuyển dạ	468/1305	14.9	35.9
3 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	31/2564	29.3	1.2
4 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát chuyển dạ haowcj môt lấy thai khi chưa có chuyển dạ	130/944	10.8	13.8
5 1 thai ngôi đầu >=37 tuần, mổ cũ	683/1003	11.5	68.1
6 Tất cả các trường hợp con so ngôi ngược	167/178	2.0	93.8
7 Tất cả các trường hợp con dạ ngôi ngược bao gồm cả có mổ cũ	124/138	1.6	89.9
8 Tất cả các trường hợp đa thai bao gồm cả có mổ cũ	130/198	2.3	65.7
9 Tất cả các trường hợp ngôi bât thường bao gồm cả có mổ cũ	40/40	0.5	100

National Maternal Caesarean Sections

Phân bố thực tỉ lệ mổ lấy thai của mỗi nhóm được tính bằng chia số lượng mổ lấy thai trong từng nhóm cho tổng số sản phụ

Tỉ leeh này phụ thuộc vào cỡ nhóm cũng như tỉ lệ mổ láy thai của từng nhóm

	2013 2024/8755 23.1%	Kích thước nhóm %	Tỷ lệ mổ đẻ trong nhóm %	Kiểm tra mỗi nhóm 23.1 %
1 Con so 1 thai ngôi đầu>= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	146/2040	23.3	7.2	1.7
2 Con so 1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát CD hoặc môt lấy thai khi chưa chuyển dạ	468/1305	14.9	35.9	5.3
3 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	31/2564	29.3	1.2	0.4
4 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát chuyển dạ haowcj môt lấy thai khi chưa có chuyển dạ	130/944	10.8	13.8	1.5
5 1 thai ngôi đầu >=37 tuần, mổ cũ	683/1003	11.5	68.1	7.8
6 Tất cả các trường hợp con so ngôi ngược	167/178	2.0	93.8	1.9
7 Tất cả các trường hợp con dạ ngôi ngược bao gồm cả có mổ cũ	124/138	1.6	89.9	1.4
8 Tất cả các trường hợp đa thai bao gồm cả có mổ cũ	130/198	2.3	65.7	1.5
9 Tất cả các trường hợp ngôi bât thường bao gồm cả có mổ cũ	40/40	0.5	100	0.5

National Maternity H

Caesarean Sections - th

Nhóm 1,2,5 chiếm tới 2/3 trong tổng số tit lệ mổ lấy thai và có khác biệt đáng kể giữa các cơ s

	2013 2024/8755 23.1%	Kích thước nhóm %	Tỷ lệ mổ đẻ trong nhóm %	Kiểm tra mỗi nhóm 23.1 %
1 Con so 1 thai ngôi đầu>= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	146/2040	23.3	7.2	1.7
2 Con so 1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát CD hoặc môt lấy thai khi chưa chuyển dạ	468/1305	14.9	35.9	5.3
3 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	31/2564	29.3	1.2	0.4
4 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát chuyển dạ haowcj môt lấy thai khi chưa có chuyển dạ	130/944	10.8	13.8	1.5
5 1 thai ngôi đầu >=37 tuần, mổ cũ	683/1003	11.5	68.1	7.8
6 Tất cả các trường hợp con so ngôi ngược	167/178	2.0	93.8	1.9
7 Tất cả các trường hợp con dạ ngôi ngược bao gồm cả có mổ cũ	124/138	1.6	89.9	1.4
8 Tất cả các trường hợp đa thai bao gồm cả có mổ cũ	130/198	2.3	65.7	1.5
9 Tất cả các trường hợp ngôi bât thường bao gồm cả có mổ cũ	40/40	0.5	100	0.5

National Maternity Ho

Caesarean Sections - the

Nhóm 6,7,8,9,10:: Nhóm nhỏ, tỉ lệ mổ lấy thai cao nhưng chiếm số ít trong tổng số mỏ lấy thai và khá tương đồng ở các cơ sở khác nha

	2013 2024/8755 23.1%	Kích thước nhóm %	Tỷ lệ mổ đẻ trong nhóm %	Kiểm tra mỗi nhóm 23.1 %
1 Con so 1 thai ngôi đầu>= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	146/2040	23.3	7.2	1.7
2 Con so 1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát CD hoặc môt lấy thai khi chưa chuyển dạ	468/1305	14.9	35.9	5.3
3 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần chuyển dạ tự nhiên	31/2564	29.3	1.2	0.4
4 Con dạ (loại trừ các trường hợp mổ cũ),1 thai ngôi đầu >= 37 tuần khởi phát chuyển dạ haowcj môt lấy thai khi chưa có chuyển dạ	130/944	10.8	13.8	1.5
5 1 thai ngôi đầu >=37 tuần, mổ cũ	683/1003	11.5	68.1	7.8
6 Tất cả các trường hợp con so ngôi ngược	167/178	2.0	93.8	1.9
7 Tất cả các trường hợp con dạ ngôi ngược bao gồm cả có mổ cũ	124/138	1.6	89.9	1.4
8 Tất cả các trường hợp đa thai bao gồm cả có mổ cũ	130/198	2.3	65.7	1.5
9 Tất cả các trường hợp ngôi bât thường bao gồm cả có mổ cũ	40/40	0.5	100	0.5

Chỉ định

OPEN ACCESS Freely available online

PLoS one

Classifications for Cesarean Section: A Systematic Review

Maria Regina Torloni[1]*, Ana Pilar Betran[2], Joao Paulo Souza[2], Mariana Widmer[2], Tomas Allen[3], Metin Gulmezoglu[2], Mario Merialdi[2]

1 Department of Obstetrics, Sao Paulo Federal University and Brazilian Cochrane Centre, Sao Paulo, Brazil, **2** Department of Reproductive Health and Research, World Health Organization, Geneva, Switzerland, **3** Department of Knowledge Management and Sharing, World Health Organization, Geneva, Switzerland

Conclusions: This review and critical appraisal of CS classifications is a methodologically sound contribution to establish the basis for the appropriate monitoring and rational use of CS. Results suggest that women-based classifications in general, and Robson's classification, in particular, would be in the best position to fulfill current international and local needs and that efforts to develop an internationally applicable CS classification would be most appropriately placed in building upon this classification. The use of a single CS classification will facilitate auditing, analyzing and comparing CS rates across different settings and help to create and implement effective strategies specifically targeted to optimize CS rates where necessary.

Phân loại chỉ định mổ lấy thai trước khi có chuyển dạ

Về phía thai

Về phía mẹ

Không vì lý do y học

Phân loại chỉ định mổ trong chuyển dạ hoặc sau khởi phát chuyển dạ

Do thai
Chuyển dạ tắc nghẽn

Phân loại mổ lấy thai

- Do thai (không oxytocin)
- Chuyển dạ tắc nghẽn
  - Do CCTC không hiệu qua (IUI)

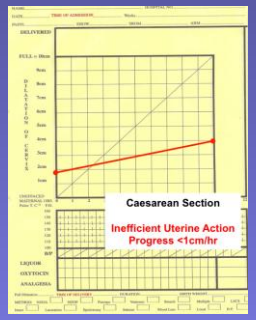

    - IUA Kém đáp ứng
      - Lỗi trong chẩn đoán, thúc đẩy CD
      - Ối còn
      - Trì hoãn truyền oxytocin
      - Liều oxytocin không phù hợp
      - Đúng liều,sử dụng ngập ngừng
    - IUA Không kiểm soát được cơn co cường tính
    - IUA Sự kém chịu đựng của thai
    - IUA Không truyền oxytocin
  - CCTC phù hợp(EUA)
    - EUA Ngôi bất thường
    - EUA CPD Chuyển dạ tắc nghẽn ở người con dạ

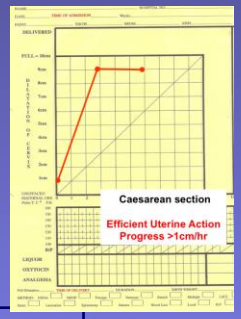

Biến số

Chẩn đoán chuyển dạ
Monitoring thai
Đánh giá chuyển dạ tiến triển
Chọc ối truyền oxytocin và gây tê ngoài màng cứng

Best Practice & Research Clinical Obstetrics and Gynaecology 27 (2013) 297–308

Contents lists available at SciVerse ScienceDirect

Best Practice & Research Clinical Obstetrics and Gynaecology

journal homepage: www.elsevier.com/locate/bpobgyn

11

Methods of achieving and maintaining an appropriate caesarean section rate

Michael Robson, MBBS, MRCOG, FRCPI, FRCS (Eng), Dr *, Lucia Hartigan, MB Bch BAO, Dr, Martina Murphy, RM, Senior Midwife

National Maternity Hospital, Holles Street, Dublin 2, Ireland

Chất lượng có liên quan với kết quả và kết quả định hướng quá trình thực hiện

Hệ thống phân loại 10 nhóm – Tương lai

Đầu tiên chúng ta nên cố gắng và chuẩn hóa các phân tích về kết quả hơn là các quá trình

Với các kết quả được chuẩn hóa so sánh với các kết quả dần dần đồng nhất với quá trình thực hiện

MRobson@nmh.ie